



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

INTAKE FORM (Two Copies)
HÀU ĐƠN VẺ LY-LỊCH

NAME (Ten Tu-nhan)

PHAM NHU HUE

DATE, PLACE OF BIRTH
(Nam, noi sinh)

Last (Ten Ho) PHAM Middle (Giua) NHU First (Ten so) HUE
Month (Thang) 9 Day (Ngay) 01 Year (Nam) 1935 Cholon

SEX (Nam hay Nu)

Male (Nam) NAM

Female (Nu)

MARITAL STATUS

(Tình trạng gia đình)

Single (Độc thân)

Married (Cũ lập gia đình)

Có gia đình

ADDRESS IN VIETNAM

(Địa chỉ tại Việt-Nam)

09 Trưng Nữ Vương huyện Thuận An tỉnh Sông Bé

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VII hay không)

Yes (Có) Có No (Không)

If Yes (Nếu có)

From (Từ)

15-6-75

To (Đến)

14-9-82

PLACE OF RE-EDUCATION
CAMP (Trại tù)

Học Môn, Suối Máu, Phước Bình, Xuân Lộc

PROFESSION (Nghề nghiệp)

Thiếu tá, trước khi sản xuất không ảnh, Bộ tư lệnh không quân

EDUCATION IN U.S. (Đu học tại Mỹ)

Năm 1961 học ở Army Air Force Base Colorado

VII ARMY (Quân đội VII)

Rank (Cấp bậc)

Thiếu tá

VII GOVERNMENT (Trong chính phủ VII)

Position (Chức vụ)

Thiếu tá

Date (năm) 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP)

Yes (Có)

Có

IV Number (Số họ số)

No (Không)

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo)

Ba người

(Tên thân nhân theo từng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chỉ từ

MAILING ADDRESS IN VII (Địa chỉ liên lạc tại VII)

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và địa chỉ thân nhân hay người bảo trợ)

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ)

Yes (Có)

No (Không)

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VII)

NAME & SIGNATURE

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Tên, chữ ký, địa chỉ và điện thoại của người liên lạc này)

DATE

Month (Thang)

Day (Ngay)

Year (Năm)

Pham Nhu Hue

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA)

PHAM NHU HUE

(listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
Ngô Ngọc Đình	4-12-1936	9/3
Phạm Kim Khôi	12-6-1971	Con trai
Phạm Trang - Đắc	6-12-1974	Con gái

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION

Đạo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Hà Nội)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

INTAKE FORM (Two Copies)

MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : PHAM NHU HUE

DATE, PLACE OF BIRTH : 09 04 1935 Cholon
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : NAM Female (Nu) :

MARITAL STATUS (Tình trạng gia đình) : Single (Độc thân) : Married (Đã lập gia đình) : Có gia đình

ADDRESS IN VIETNAM (Địa chỉ tại Việt-Nam) : 09 Trưng Nữ Vương, Quận Chợ Lớn, Tân Thới Hiệp
Thị trấn An Tịnh, Sông Bé.

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không) : Yes (Có) : Có No (Không) :

If Yes (Nếu có) : From (Từ) : 15.6.1975 To (Đến) : 14.9.82

PLACE OF RE-EDUCATION, CAMP (Trại tù) : Học Môn, Suối Máu, Phước Bình, Xuân Lộc

PROFESSION (Nghề nghiệp) : Thiếu tá, trước khi sản xuất không đủ, Bộ tư lệnh không quân

EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ) : 1 năm 1967 học ở Fort Huachuca, Arizona

VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc) : Thiếu tá

VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ) : Thiếu tá Date (năm) : 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP) : Yes (Có) : Có No (Không) :
IV Number (Số hồ sơ) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) : Ba người
(Tên thân nhân theo) Xin ghi bên sau và đây địa chỉ :

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN) :

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và địa chỉ thân nhân hay người bảo trợ) :

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ) : Yes (Có) : No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN) :

NAME & SIGNATURE :

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Tên, chữ ký, địa chỉ và điện thoại của người điền đơn này) :

DATE :
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Năm)

Hue

Pham Nhu Hue

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA)

PHAM NHU HUE

(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
Ngô Ngọc Đình	4-12-1936	Mẹ
Phạm Kim Khánh	12-6-1971	Con trai
Phạm Trang Di	6-12-1974	Con gái

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION

Đạo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Hà Nội)

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL-PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5455 ARLINGTON, VA 22204-0555
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV 4 _____
VENUE _____
1-171 : Yes _____ No _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHAM NHU HUE
Last Middle First
Current Address 29 Trưng Nữ Vương xã Chợ xã Tân Phú huyện Thuận An tỉnh Sông Bé
Date of Birth 04/9/1938 Place of Birth Cholon
Previous Occupation (before 1975) Thiếu tá trưởng kho sản xuất không ảnh Bố tu lữ
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 15/6/75 To 14/9/82 Không quân

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address & Telephone: _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 may do so.

Date Prepared: _____

2. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAM NHU HUE
(Listed on page 1)

NAME OF CHILDREN/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
Ngã Ngọc Đình	4-12-1935	Đã
Phạm Kim Khánh	12-6-1971	Con trai
Phạm Trung Dã	6-12-1974	Con gái

APPLICANT'S ADDRESS (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION

- * Xin định Kén
- 8 hộ Khẩu
- 2 giấy ra trại
- 2 hôn thú
- 4 Khai sinh
- 4 Chứng minh nhân dân
- 2 sổ Thông hành đi Mỹ
- 2 biên nhận xin x.c. tỉnh Sông Bé
- 2 hình chụp với Cơ quan Mỹ
- 8 hình 3X4

Hue

Phạm - như - Huệ

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM
P.O. BOX 5435
Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Hà Nội)

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL-PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0535
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV : _____
VNL : _____
1-171 : _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHAM NHU HUË
Last Middle First

Current Address 09 Trưng Nữ Vương huyện Thuận An tỉnh Sông Bé
Date of Birth 01/9/1935 Place of Birth Chợ Lớn

Previous Occupation (before 1975) Thầy tá trưởng Khố sản xuất Khố công nhân Bộ tư lệnh Không quân
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 15-6-1975 To 14-9-1982

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address & Telephone: _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the CDP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Rec'd: _____

2. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAM NHU HUE
(Fill in on page 4)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVE	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
<u>Ngô Ngọc Đình</u>	<u>4-12-1936</u>	<u>Vợ</u>
<u>Phạm Kim Khánh</u>	<u>12-6-1971</u>	<u>Con trai</u>
<u>Phạm Trung Đức</u>	<u>6-12-1974</u>	<u>Con gái</u>

DEPENDENT'S ADDRESSES (if different from above)

10. ADDITIONAL INFORMATION

- Xin định kinh
- & hộ khẩu
- & giấy ra vào
- & hôn thú
- H. Khai sinh
- H. Chứng minh nhân dân
- & sổ Thông hành đi Mỹ
- & biên nhận xin X.O. tỉnh Sông Bé
- & hình chụp 3 x 4
- & hình 3 x 4

Wife

Phạm Nhu Huệ

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHIÊN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM
P.O. BOX 5435
Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thư)



SEP 1 67

Tham - nhi - Huệ đứng giữa
bên phải - Cố vấn Mỹ - EMILY SUJART - CAPTAIN



SEP • 67

- Phạm - như - Huệ đứng giữa -
- bên trái: Cố vấn Mỹ: EMILY SUJART. CAPTAIN và vợ
ở Lowry Air Force Base Colorado

Dân tộc: Hoa		Tôn giáo: Không	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH			
Vết chàm 04cm trên sau đầu lg mày trái		Ngày 22 tháng 06 năm 1978 Ủy ban đặc biệt Trung tâm Công an TP. Hồ Chí Minh	
NGON TỬ TRAI	NGON TỬ PHẢI		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

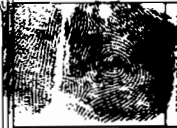
GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số: 280026702

Họ tên: NGUYỄN NGỌC LINH.

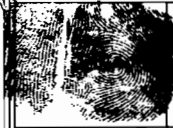
Sinh ngày 04-12-1930
 Nguyên quán: Sơn - Đầu
 Triệu Châu, Trung Quốc
 Nơi thường trú: Tân - Thới
 Thuận - An, Sơn - Đé

Dân tộc: Hoa		Tôn giáo: Không	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH			
Vết chàm Cằm trên sau đầu lg mày trái		Ngày tháng 00 năm 1978 SỞ TUYÊN GIÁO QUẢNG TRUNG TỈNH CÔNG AN (Seal and Signature)	
NGƯỜI THỦ TRẠI	NGƯỜI THỦ PHẢI		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN Số: 280026702	
 	Họ tên: NGUYỄN NGỌC LINH. Sinh ngày 04-12-1936 Nguyên quán: Sơn - Đầu Triệu Châu, Trung Quốc Nơi thường trú: Tân - Thới Thuận - An, Sơn - Bè

Dân tộc: <u>Khinh</u>		Tôn giáo: <u>Không</u>	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH			
 NGÓN THUMB TRÁI		 NGÓN THUMB PHẢI	
sọn thưng 11.7cmC2.5 cm trên trước đầu máy phải. Ngày 05 tháng 05 năm 1986 TRƯỞNG TY CÔNG AN  Long Minh			

 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN	
Số <u>28040773</u>	
Họ tên <u>PHẠM NHƯ HỮU</u>	
Sinh ngày <u>01-09-1935</u>	
Nguyên quán <u>phường 3</u>	
<u>Quận I</u> , <u>Sài Gòn</u>	
Nơi thường trú <u>Tân Thới</u>	
<u>Thị trấn An, Sông Bé</u>	
	

Dân tộc: <u>Khmer</u>		Tôn giáo: <u>Không</u>	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH			
		sẹo thẹo 51.7cm 02.5	
		cm trên trước đầu máy	
		phải.	
NGƯỜI TỰ THẬT		NGƯỜI TỰ PHẢI	
			
		Ngày 05 tháng 05 năm 1986	
		TỔNG TRƯỞNG TỶ CÔNG AN	
		<i>Phạm Minh</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 280464773

Họ tên PHẠM NHƯ HỮU

Sinh ngày: 01-09-1935

Nguyên quán phường 3

Quận I, Sài Gòn

Nơi thường trú Đã thôi

Thị trấn An.Sông



CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN CHỈ HUY AN NINH NHÂN DÂN

Số: 112

BIÊN NHẬN

Công An tỉnh Sông Bé (Tà xuất cảnh) có nhận hồ
sơ xin xuất cảnh đi nước ngoài
về việc riêng của:

Ông, Bà Phạm Như sinh năm 1947

Nghề nghiệp Đen xe liệt

Thường trú 9 - Cầu Thà - Cầu Lộ

Sông Bé

Hồ sơ x/c lập nhân đạo

Số người xin đi 1

Sông Bé, ngày 10 tháng 6 năm 1981

Cán bộ nhận hồ sơ

CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ
BỘ QUẢN LÝ NGƯỜI ĐIỀU NGƯỜI
VÀ XUẤT NHẬP CẢNH

Ngô Văn Ch

CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN CHỈ HUY AN NINH NHÂN DÂN

Số: 112

BIÊN NHẬN

Công An tỉnh Sông Bé (Tà xuất cảnh) có nhận hồ sơ xin xuất cảnh đi nước ngoài về việc riêng của:

Ông, Bà Phạm Nhựt sinh năm 1947

Nghề nghiệp Đen xe điện

Thường trú 9 - Cầu Thà - Quận 1

Sông Bé

Hồ sơ x/c diện nhân dân

Số người xin đi 1

Sông Bé, ngày 10 tháng 8 năm 1981
Cán bộ nhận hồ sơ

CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ
BỘ QUẢN LÝ NƯỚC NGOÀI
VÀ XUẤT NHẬP CẢNH

[Signature]
Ngô Văn Ch

VIỆT-NAM CỘNG-HOA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: **BA**
PHƯỜNG: **XXXX**
Số hiệu: **4126**

Lập ngày **14** tháng **6** năm 19**71**

Tên họ đứa trẻ. . . .	Phạm Kim Khánh
Con trai hay con gái. .	Nam
Ngày sanh.	Mười hai tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
Nơi sanh.	Saigon 455 Phan Đình Phùng
Tên họ người cha. . .	Phạm Như Huệ
Tên họ người mẹ. . .	Ngô Ngọc Định
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Phạm trí Kim Cúc

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH **10.2**

Saigon, ngày **14** tháng **6** năm 19**71**

Tr. Viên-Chức Hộ-Tịch,

Phạm Trí Kim Cúc



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: BA
PHƯỜNG: XXXX

Lập ngày 14 tháng 6 năm 1971

Số hiệu: 4122

Tên họ đứa trẻ. . . .	Phạm Kim Khánh
Con trai hay con gái. .	Nam
Ngày sanh.	Mười hai tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
Nơi sanh.	Saigon 455 Phan Đình Phùng
Tên họ người cha. . .	Phạm Như Bạt
Tên họ người mẹ. . .	Ngô Ngọc Định
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Phạm Thị Kim Cúc



TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

Saigon, ngày 9 tháng 2 năm 1974

TL.

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Trần Văn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: BA
PHƯỜNG BÀN-CỜ

Lập ngày 09 tháng 12 năm 1974

Số hiệu: 1958

Tên họ đứa trẻ. . . .	Phạm-Trang-Đài
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh.	Sáu tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn
Nơi sanh.	Sài Gòn 75-A Cao-Thắng
Tên họ người cha. . .	Phạm-Như-Hiệp
Tên họ người mẹ. . .	Ngô-Ngọc-Định
Vợ chánh hay không có hôn-thủ.	Chánh
Tên họ người đứng khai.	Lê-Thị-Bích-Thủy

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 10 tháng 12 năm 1974

Viên-Chức Hộ-Tịch, 6/b1

ĐẠI-ỦY ĐOÀN-ĐÌNH-NHƯ
Phản-Chức-Khu-Trưởng Khu-Khuông-Trung
Phường Bàn-Cờ

MIỄN-LỆ-PHÍ



Handwritten signature

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: BA

Lập ngày 09 tháng 12 năm 1974

PHƯỜNG BÀN-CỜ

Số hiệu: 1958

Tên họ đứa trẻ. . . .	Phạm-Trang-Dài
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh.	Sáu tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn
Nơi sanh.	Sài gòn 75-A Cao-Thắng
Tên họ người cha. . .	Phạm-Như-Hiệp
Tên họ người mẹ. . .	Ngô-Ngọc-Dĩnh
Vợ chánh hay không có hôn-thủ.	Chánh
Tên họ người đứng khai.	Lê-Thị-Bích-Thủy

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 10 tháng 12 năm 1974

Viên-Chức Hộ-Tịch, 6/bl

Đại-Ủy ĐOÀN-ĐÌNH-NGUYỄN

Phản-Đối-Khu-Trưởng Xã-Hội-Kinh-Lương
Phường Bàn-Cờ

Handwritten signature

MIỄN-LÍ-PHÍ



Trung tá: Trần Văn...

Trol 200-100.

S6 552 GRT

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	5	5	7	8	2	6	2	5	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SESLA

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-ĐCA/TT ngày 31-5-2061 của Bộ Nội vụ;

Thị trấn An Vĩnh, quyết định của số 172/198 ngày 30 tháng 08 năm 1980

30 DEC 68

Nay cấp giấy tha cho gale, chỉ có tên này đây:

Họ, tên khai sinh Phạm Văn Hùng

Họ, tên thường gọi _____

Họ, tên bí danh _____

Sinh ngày 1 tháng 10 năm 1933.

Ngày sinh 01/01/1971

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt _____

TCS/T6

Câu 10. Tìm từ trái nghĩa với từ in đậm.

File # TE-6-1005 Date 1/10/71

Theo quyết định của văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giải tại _____ lần công thành _____ năm _____ tháng _____

125/16 C. on 12-11-61 C. 10. PP/HOM.

Nhận xét quá trình chỉ đạo

(Hàng/cặp 12 tấm.)

Lưu ý một số vấn đề khác

Case 1:20-cv-00001-UNA Document 1-1 Filed 07/20/20 Page 1 of 1

Depth bin of C27 .

Lip tel _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 14 tháng 9 năm 1972
Cấp: Tỉnh
Edmice

Đáp án: F

Trung tá: Trần Văn D.



AM CỘNG-HÒA

BÌNH-DƯƠNG

Lái-Thiêu

Tân-Thới

TRÍCH-LUC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Số hiệu OI

Tên họ người chồng **Phạm-Như-Huệ**

nghề - nghiệp **Quân nhân**

sinh ngày **1** tháng **9** năm **1.935**

tại **Ông Lớn**

cư-sở tại **80A/8 Cao-Thắng Lái-Gòn**

tạm-trú tại **//**

Tên họ cha chồng **Phạm-Văn-Hiếu (sống) 65 tuổi**

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng **Lê-Kim-Dịnh (chết)**

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ **Ngô-Hồng-Dịnh**

nghề - nghiệp **Nội-trợ**

sinh ngày **4** tháng **12** năm **1.936**

tại **Tân-Thới**

cư-sở tại **38/4 Nguyễn-Huệ Lái-Thiêu**

tạm-trú tại **//**

Tên họ cha vợ **Ngô-Quốc (sống) 64 tuổi**

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ **Thái-Thị-Tâm (sống) 34 tuổi**

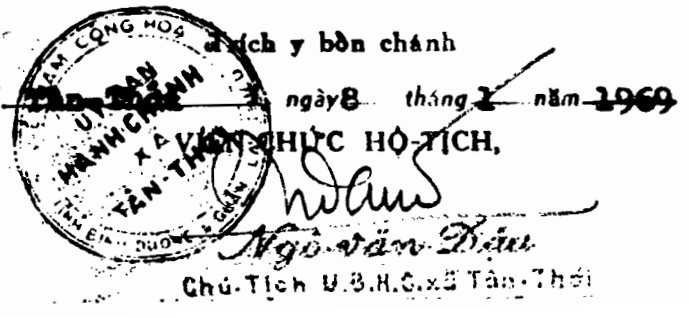
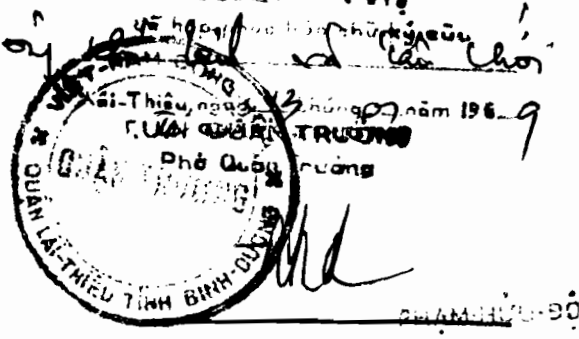
(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới **12 tháng một năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.**

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế **//**

ngày **//** tháng **//** năm **//**

tại **//**



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BÌNH-DƯƠNG

Lái-Thiêu

Tân-Thới

01

TRÍCH-LUC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên họ người chồng Phạm-Như-Huệ
nghề - nghiệp Quân nhân
sinh ngày 1 tháng 9 năm 1.935
tại Chợ Lớn
cư-sở tại 80A/8 Cao-Thắng Sài-Gòn
tạm-trú tại //
Tên họ cha chồng Phạm-Văn-Kiều (sống) 63 tuổi
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng Lê-Kim-Định (chết)
(Sống chết phải nói)
Tên họ người vợ Ngô-Ngọc-Định
nghề - nghiệp Nội-trợ
sinh ngày 4 tháng 12 năm 1.936
tại Tân-Thới
cư-sở tại 38/4 Nguyễn-Huệ Lái-Thiêu
tạm-trú tại //
Tên họ cha vợ Ngô-Quốc (sống) 64 tuổi
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ Thái-Thị-Tém (sống) 64 tuổi
(Sống chết phải nói)
— Ngày cưới Ba tháng một năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế //
ngày // tháng // năm //
tại //

KIỂM-THI

Đ. ch. hợp pháp chữ ký của



PHẠM-HỮU-ĐỘ



Trích y bản chính

ngày 8 tháng 1 năm 1969

ỦY-BAN-QUẢN-TRỊ XÃ TÂN-THỚI

Ngô-Văn-Dầu
Chủ-Tịch Ủy-Ban-H.C.xã Tân-Thới

B. Tham. nhũ. Hươ
Đ. Trùng. nhũ. Vương. S. Chở
Thuận An. Sông Bé.



ĐÂY BAY
PAR AVION

FEB 05 1990



Kính gửi: Bà Khúc. minh. Chở.
P.O. BOX. 5435
ARLINGTON, V.A. 22205 - 0635
U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL

Chuẩn an ngày 19-01-1990

Kính gửi: Bà Khúc Minh Thọ.
Chủ tịch, Ban Lãnh đạo Hội từ nhân Chính trị Việt Nam.
Kính thưa Bà.

Trước tiên tôi xin kính chúc Bà được vui tươi
hạnh phúc sau nhờ Bà giúp đỡ cho tôi.

Nguyên tôi là sĩ quan quân đội chế độ cũ với chức
vụ Thiếu tá trưởng Khối sản xuất Không ảnh hãm tại Bộ tư
lệnh Không quân Tân Sơn Nhứt, sau ngày 30-4-75 tôi phải
đi học tập cải tạo trải qua rất nhiều trại tù: Hóc Môn - Suối
Máu - Phước Bình - Xuân Lộc đến tháng 9-82 mới được về.
Trong thời gian học tập ở trại Xuân Lộc năm 80 tôi bị bệnh tở
liệt đến năm 82 mới được thả về. Qua năm 1983 tôi có
gửi đơn và hình cho Cơ quan H.C.R. bên Thái Lan cho đến
nay không có hồi báo. Năm 1988 tôi đã nộp đơn xin chính
phủ Việt Nam cho đi định cư ở Mỹ theo diện nhân đạo và đồng
thời tôi cũng gửi đơn và hình qua Thái Lan nữa.

Tôi rất mong được sự giúp đỡ của hội để có giấy tờ như:
I.V, Lôi để được định cư qua chương trình H.O. của chính
phủ Hoa Kỳ càng sớm càng tốt để tôi trả cho mau lành bệnh.

Xin kính chúc sức khỏe của Bà, Ban Lãnh đạo Hội được
thành công mỹ mãn với Lý tưởng của Hội.

Tray kính

Uuo

Phạm Như Huệ

Kèm theo: Hồ sơ như trong thư
Bà đã dặn.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
REPUBLIC OF VIET-NAM
RÉPUBLIQUE DU VIÊT-NAM

SỐ THÔNG-HÀNH
PASSPORT
PASSEPORT

Số N°	001516/67 VN.
Tên, họ Name Nom et prénoms	PHẠM-NHƯ-HIỆ
Quốc-tịch Nationality Nationalité	Việt-namienne
Ngày và nơi sinh Date and place of birth Date et date de naissance	01-9-1935 ở Chợ Lớn
Nghề-nghệp Occupation Profession	Officier F.A.P.V.N.
Cư-trú Permanent residence Domicile	SP. 3011

Giấy thông-hành này gồm có 44 trang không kể trang bìa
This passport contains 44 pages without the cover.
Ce passeport contient 44 pages non compris la couverture

HÌNH - DẠNG
DESCRIPTION, SIGNALEMENT

Độ cao, Height, Taille 1m60
Tóc, Hair, Cheveux nâu
Cิ้ว, Eyebrow, Sourcils nâu
Trán, Forehead, Front rộng
Con mắt, Eyes, Yeux nâu
Mũi, Nose, Nez thẳng
Miệng, Mouth, Bouche rộng
Râu, Beard, Barbe không
Chin, Menton nhọn
Mặt, Face, Visage dài
Đặc biệt, Peculiarities, Signes particuliers }
Cố }
Accompanied by }
Accompagné de }

đứa trẻ cùng đi, tên là :
children :
enfants nommés :

Tên, họ Name Nom et prénoms	Ngày sinh Date of birth Date de naissance

Ảnh của đương sự và, nếu có, của mấy người con dưới 15 tuổi đi theo.

Photograph of bearer and children under fifteen who accompany him (or her).

Photographie du titulaire et le cas échéant, des enfants au-dessous de 15 ans qui l'accompagnent.



Chữ ký của đương sự:

Signature of bearer
Signature du titulaire

Une

- Năm 1957 đi học ở Mỹ.

Lowry Air force Base Colorado

- Năm 1959 học ở Okinawa

- Năm 1967 học ở Mỹ.

Lowry Air force Base Colorado.

Sở thông-hành này có giá-trị đề lưu-thông trong
các xứ sau đây:

This passport is valid for the following countries :
Ce passeport est valable pour les pays suivants :

Etats-Unis via Philippines

Thư

THIÊN-TÁ TỬ-DƯƠNG

HIỆU-LỰC

VALIDITY — VALIDITÉ

Sở thông-hành này có hiệu-lực đến ngày *12 Mars*
trừ khi nào được gia-hạn.

This passport expires on
unless renewed.

1969

Ce passeport expire le
sauf renouvellement.

13 Mars



Đã cấp tại *Hà Nội* ngày *1967*
Đã cấp ở *Hà Nội* on *1967*
Đã cấp ở *Hà Nội* le *1967*
TỔNG GIÁM ĐỐC Cảnh Sát Quốc Gia

Thư

GIA-HẠN

THIÊN-TÁ TỬ-DƯƠNG

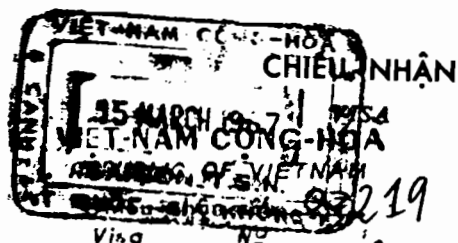
EXTENSION OF VALIDITY
PROLONGATION DE VALIDITÉ

Từ ngày
From
Du

đến
until
au

Gia-hạn tại
Renewed at
Fait à

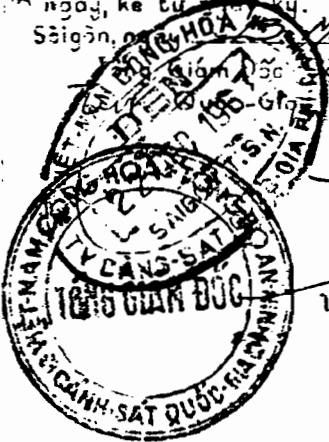
ngày
on
le



13/3

Cấp cho PHAM NHU HUE
Issued to:
Được xuất ngoại đi Etats Unis via Philippines
authorized to travel to:
trong thời hạn frank huit semaines
and to return within:

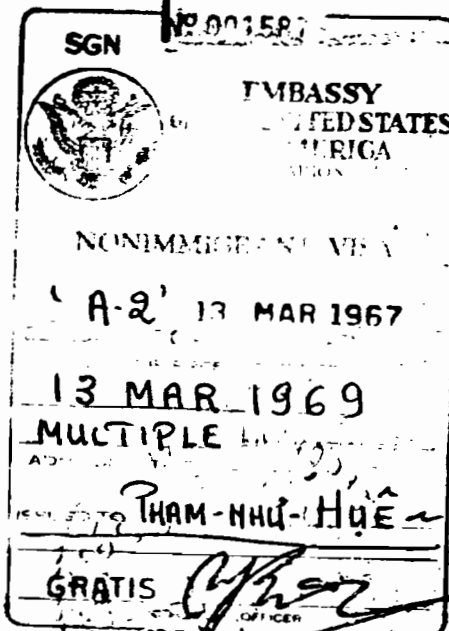
Chiếu-khẩn này có hiệu lực trong
15 ngày, kể từ ngày này.
Sài Gòn, ngày 13 Mars 1967



Tu Louis Nè

THIÊN-TÁ TỬ-DƯƠNG

MM. & NATZ. SERVICE
SAN FRANCISCO, CAL. 359
CHIẾU-NHẬN ADMITTED
MAR 16 1967
VISA CLASS



Ralph Estling
American Vice Consul

LỜI DẶN

- Sổ do Bộ Nội Vụ ban hành, không cơ quan đơn vị nào được tự tiện sửa đổi mẫu sổ.
- Mỗi hộ gia đình lập hai sổ: Một sổ do chủ hộ giữ, một sổ lưu tại cơ quan đăng ký hộ khẩu sở tại.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa. Ngoài cơ quan đăng ký hộ khẩu, không ai được tự ghi nội dung sự việc đăng ký vào sổ.
- Nếu cả hộ gia đình chuyển đến nông thôn những nơi không lập sổ hộ khẩu gia đình hoặc đến tỉnh, thành phố, đặc khu khác thì công an cấp giấy chứng nhận chuyển đi thu lại sổ.
- Mất sổ phải báo ngay cho công an phường, xã thị trấn sở tại.
- Cấm mua, bán hoặc cho mượn sổ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TỈNH SÔNG BÉ

SỔ HỘ KHẨU

GIA ĐÌNH

Họ và tên Chủ hộ: NGUYỄN NGUYỄN ĐÌNH

Số nhà: 09 Ngõ (hẻm):

Đường phố, xóm, ấp, bản: CHỢ

Phường, xã, thị trấn: Tân Chánh

Huyện, thị xã: Huyện An

QUYỀN SỐ: 17 /SL 0676

(Khổ 14,7 x 19 cm)

T'HAY. BỔ. CHỮ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến _____	Chuyển đến _____
Đã ký ngày ____ / ____ / ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)	Đã ký ngày ____ / ____ / ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)

Chuyển đến _____	Chuyển đến _____
Đã ký ngày ____ / ____ / ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)	Đã ký ngày ____ / ____ / ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)

THAY ĐỔI BÌNH CHÍNH KHÁC

Nội dung _____	Nội dung _____
Ngày ____ tháng ____ năm ____ TRƯỞNG CÔNG AN (Ký tên đóng dấu)	Ngày ____ tháng ____ năm ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)

Nội dung _____	Nội dung _____
Ngày ____ tháng ____ năm ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)	Ngày ____ tháng ____ năm ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)

CHỦ HỘ

Số: /SL

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ		17	18
NỘI DUNG			
1. Họ và tên Tên thường gọi			
2. Ngày tháng năm sinh			
3. Nơi sinh			
4. Nam hay nữ			
5. Nguyên quán			
6. Dân tộc			
7. Tôn giáo			
8. Số giấy CMND			
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc			
10. Chuyển đến — Ở đầu đến — Ngày đến			
11. Chuyển đi — Đi đầu — Ngày đi			
CƠ QUAN ĐKKK	Ngày, tháng, năm đăng ký TRƯỞNG CÔNG AN Quận Huyện Ký tên, đóng dấu (Ghi rõ họ tên, cấp bậc)		

CHỦ HỘ

Số: /SL

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ		1	2 <i>chồng</i>
NỘI DUNG			
1. Họ và tên Tên thường gọi		NGUYỄN NGỌC BÌNH	PHẠM NHƯ HUY
2. Ngày tháng năm sinh		1936	1935
3. Nơi sinh		Bến Tre	
4. Nam hay nữ		Nam	
5. Nguyên quán		Bến Tre	
6. Dân tộc			
7. Tôn giáo			
8. Số giấy CMND			
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc			
10. Chuyển đến — Ở đầu đến — Ngày đến			
11. Chuyển đi — Đi đầu — Ngày đi			
CƠ QUAN ĐKKK	Ngày, tháng, năm đăng ký TRƯỞNG CÔNG AN Quận Huyện Ký tên, đóng dấu (Ghi rõ họ tên, cấp bậc)		

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ		3	4
HỘI DUNG		con	con
1. Họ và tên	Tên thường gọi	PHẠM KIM	PHẠM TRĂNG
2. Ngày tháng năm sinh		KHÁNH	ĐÃ
3. Nơi sinh		1971	1974
4. Nam hay nữ		T.P.H. CM	T.P.H. C. M
5. Nguyên quán		Nam	M
6. Dân tộc		con thỏ	con thỏ
7. Tôn giáo			
8. Số giấy CMND			
9. Nghề nghiệp	và nơi làm việc		
10. Chuyển đến	— Ở dân đến		
	— Ngày đến		
11. Chuyển đi	— Đi dân		
	— Ngày đi		
Ngày tháng năm dăng ký TRƯỞNG CÔNG AN Quận Huyện Ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên, cấp lực)		21. 8. 89 TR. CÔNG AN <i>[Signature]</i>	

[illegible]

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ		12	13
NỘI DUNG	1. Họ và tên		
	Tên thường gọi		
	2. Ngày tháng năm sinh		
	3. Nơi sinh		
	4. Nam hay nữ		
	5. Nguyên quán		
	6. Dân tộc		
	7. Tôn giáo		
	8. Số giấy CMND		
	9. Nghề nghiệp và nơi làm việc		
	10. Chuyển đến		
- Ở đâu đến			
- Ngày đến			
11. Chuyển đi			
- Đi đâu			
- Ngày đi			
CƠ QUAN ĐKKH	Ngày, tháng, năm đăng ký		
	TRƯỞNG CÔNG AN Quận Huyện Ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên, cấp bậc)		

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ		5	6
NỘI DUNG	1. Họ và tên		
	Tên thường gọi		
	2. Ngày tháng năm sinh		
	3. Nơi sinh		
	4. Nam hay nữ		
	5. Nguyên quán		
	6. Dân tộc		
	7. Tôn giáo		
	8. Số giấy CMND		
	9. Nghề nghiệp và nơi làm việc		
	10. Chuyển đến		
- Ở đâu đến			
- Ngày đến			
11. Chuyển đi			
- Đi đâu			
- Ngày đi			
CƠ QUAN ĐKKH	Ngày, tháng, năm đăng ký		
	TRƯỞNG CÔNG AN Quận Huyện Ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên, cấp bậc)		

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
REPUBLIC OF VIET-NAM
RÉPUBLIQUE DU VIET-NAM

SỔ THÔNG-HÀNH
PASSPORT
PASSEPORT

Số N°	001516/67.VN.
Tên, họ Name Nom et prénoms	PHAM-NHƯ-HUỆ
Quốc-tịch Nationality Nationalité	Vietnamienne
Ngày và nơi sinh Date and place of birth Lieu et date de naissance	01-9-1935 ở Cholon
Nghề-nghiệp Occupation Profession	Officier F.A.R.V.N.
Cư-trú Permanent residence Domicile	SP. 3011

Giấy thông-hành này gồm có 44 trang không kể trang bìa
This passport contains 44 pages without the cover.
Ce passeport contient 44 pages non compris la couverture.

- Năm 1957 đi học ở Mỹ -

Lowry Air force Base Colorado.

- Năm 1959 học ở Okinawa

- Năm 1967 học ở Mỹ -

Lowry Air force Base Colorado

HÌNH - DẠNG
DESCRIPTION, SIGNALEMENT

Bề cao, Height, Taille..... 1m60
Tóc, Hair, Cheveux..... noirs
Chân mày, Eye-brow, Sourcils..... clairsemés
Trán, Forehead, Front..... moyen
Con mắt, Eyes, Yeux..... noirs
Mũi, Nose, Nez..... rectiligne
Miệng, Mouth, Bouche..... moyenne
Râu, Beard, Barbe.....
Cằm, Chin, Menton..... pointu
Mặt, Face, Visage..... long
Dấu riêng, Peculiarities, }
Signes particuliers }
Có } đưa trẻ cùng đi, tên là :
Accompanied by } children :
Accompagné de } enfants nommés :

Tên, họ Name Nom et prénoms	Ngày sinh Date of birth Date de naissance

— 2 —

Ảnh của đương-sự và, nếu có, của mấy người con dưới 15 tuổi đi theo.

Photograph of bearer and children under fifteen who accompany him (or her).

Photographie du titulaire et le cas échéant, des enfants au-dessous de 15 ans qui l'accompagnent.



Chữ ký của đương-sự:

Signature of bearer
Signature du titulaire

Une

— 3 —

Sở thông-hành này có giá-trị để lưu-thông trong các xứ sau đây:

This passport is valid for the following countries :

Ce passeport est valable pour les pays suivants :

Etats-Unis via Philippines

T. H. H. H.

THIẾU-TÁ TỬ-DƯƠNG

THIẾU-TÁ TỬ-DƯƠNG

HIỆU-LỰC

VALIDITY — VALIDITÉ

Sở thông-hành này có hiệu-lực đến ngày trừ khi nào được gia-hạn.

12. Mar 3

This passport expires on unless renewed.

1967

Ce passeport expire le sauf renouvellement.

12. Mar 3



Đã gia hạn tại *Phong* ngày *12* tháng *3* năm *1967*
TỔNG GIÁM ĐỐC AN NINH BỘ

T. H. H. H.

GIA-HẠN THIẾU-TÁ TỬ-DƯƠNG

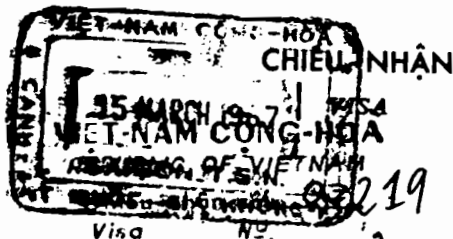
EXTENSION OF VALIDITY
PROLONGATION DE VALIDITÉ

Từ ngày
From
Du

đến
until
au

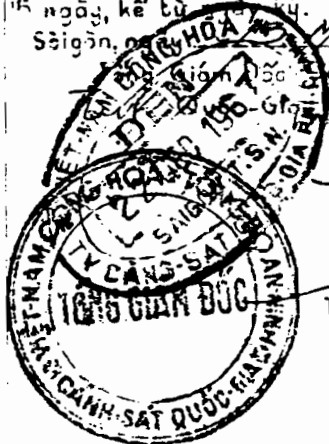
Gia-hạn tại
Renewed at
Fait à

ngày
on
le



05
13/3

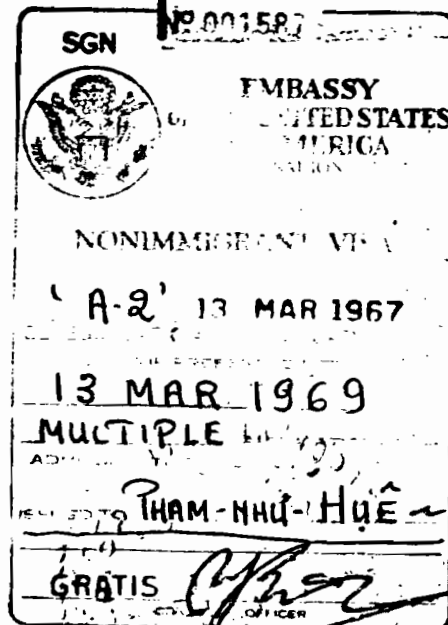
Cấp cho PHAM NHU HUE
Issued to:
Được xuất ngoại đi Etats Unis via Philippines
authorized to travel to:
trong thời hạn seize huit semaines
and to return within:
Chiếu-khôn này có hiệu lực trong
15 ngày, kể từ ngày ký.
Sài Gòn, ngày 13 Mars 1967



Lu Luan Nue

THIỆU-Tả TỬ-DƯƠNG

MM. & NATZ. SERVICE
SAN FRANCISCO, CAL. 30
CHIẾU-NHẬN ADMITTED
MAR 16 1967
VISA CLASS
NO 001587



GRATIS

Ralph Estling
American Vice Consul

LỜI DẶN

- Sổ do Bộ Nội Vụ ban hành, không cơ quan đơn vị nào được tự tiện sửa đổi mẫu sổ.
- Mỗi hộ gia đình lập hai sổ: Một sổ do chủ hộ giữ, một sổ lưu tại cơ quan đăng ký hộ khẩu sổ tại.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa. Ngoài cơ quan đăng ký hộ khẩu, không ai được tự ghi nội dung sự việc đăng ký vào sổ.
- Nếu cả hộ gia đình chuyển đến nông thôn những nơi không lập sổ hộ khẩu gia đình hoặc đến tỉnh, thành phố, đặc khu khác thì công an cấp giấy chứng nhận chuyển đi thu lại sổ.
- Mất sổ phải báo ngay cho công an phường, xã thị trấn sổ lại.
- Cấm mua, bán hoặc cho mượn sổ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TỈNH SÔNG BÉ

SỔ HỘ KHẨU

GIA ĐÌNH

Họ và tên Chủ hộ: NGUYỄN NGUYỄN ĐÌNH
Số nhà: 09 Ngõ (hẻm):
Đường phố, xóm, ấp, bản: Chợ
Phường, xã, thị trấn: Quận Bình
Huyện, thị xã: Chợ Mới

QUYỀN SỐ: 17 /SL 0676

(Khổ 14,7 x 19 cm)

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ	
Chuyển đến _____ Đang ký ngày ____ / ____ / ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)	Chuyển đến _____ Đang ký ngày ____ / ____ / ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)
Chuyển đến _____ Đang ký ngày ____ / ____ / ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)	Chuyển đến _____ Đang ký ngày ____ / ____ / ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)
THAY ĐỔI BÌNH CHÍNH KHÁC	
Nội dung _____ Ngày ____ tháng ____ năm ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)	Nội dung _____ Ngày ____ tháng ____ năm ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)
Nội dung _____ Ngày ____ tháng ____ năm ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)	Nội dung _____ Ngày ____ tháng ____ năm ____ TRƯỞNG CÔNG AN (ký tên đóng dấu)

CHỦ HỘ

Số /SL

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ		17	18
NỘI DUNG	1. Họ và tên		
	Tên thường gọi		
	2. Ngày tháng năm sinh		
	3. Nơi sinh		
	4. Nam hay nữ		
	5. Nguyên quán		
	6. Dân tộc		
	7. Tôn giáo		
	8. Số giấy CMND		
	9. Nghề nghiệp và nơi làm việc		
	10. Chuyển đến		
	— Ở đâu đến		
— Ngày đến			
11. Chuyển đi			
— Đi đâu			
— Ngày đi			
CƠ QUAN ĐKKK	Ngày, tháng, năm đăng ký		
	TRƯỞNG CÔNG AN		
	Quận Huyện		
	Ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên, cấp bậc)		

CHỦ HỘ

Số /SL

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ		1	2 <i>chồng</i>
NỘI DUNG	1. Họ và tên	NGUYỄN NGỌC BÌNH	ĐHẠM NHƯ HUỆ
	Tên thường gọi		
	2. Ngày tháng năm sinh	1936	1935
	3. Nơi sinh	Quận Thủ Đức	
	4. Nam hay nữ	Nữ	
	5. Nguyên quán	Quận Thủ Đức	
	6. Dân tộc		
	7. Tôn giáo		
	8. Số giấy CMND		
	9. Nghề nghiệp và nơi làm việc		
	10. Chuyển đến		
	— Ở đâu đến		
— Ngày đến			
11. Chuyển đi			
— Đi đâu			
— Ngày đi			
CƠ QUAN ĐKKK	Ngày, tháng, năm đăng ký		
	TRƯỞNG CÔNG AN		
	Quận Huyện		
	Ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên, cấp bậc)		

CHỈ HỢ

Số : /SL

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ		12	13
NỘI DUNG			
1. Họ và tên Tên thường gọi			
2. Ngày tháng năm sinh			
3. Nơi sinh			
4. Nam hay nữ			
5. Nguyên quán			
6. Dân tộc			
7. Tôn giáo			
8. Số giấy CMND			
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc			
10. Chuyển đến — Ở đâu đến — Ngày đến			
11. Chuyển đi — Đi đâu — Ngày đi			
Ngày, tháng, năm đăng ký TRƯỞNG CÔNG AN Quận Huyện Ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên, cấp bậc)			

CƠ QUAN ĐKKK

CHỈ HỢ

Số : /SL

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ		5	6
NỘI DUNG			
1. Họ và tên Tên thường gọi			
2. Ngày tháng năm sinh			
3. Nơi sinh			
4. Nam hay nữ			
5. Nguyên quán			
6. Dân tộc			
7. Tôn giáo			
8. Số giấy CMND			
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc			
10. Chuyển đến — Ở đâu đến — Ngày đến			
11. Chuyển đi — Đi đâu — Ngày đi			
Ngày, tháng, năm đăng ký TRƯỞNG CÔNG AN Quận Huyện Ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên, cấp bậc)			

CƠ QUAN ĐKKK

